



(Hình ảnh tham khảo)

I	Thông số chung của Tổ máy	
1.1	Hãng sản xuất	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ PHỤ TÙNG MÁY PHÁT ĐIỆN
1.2	Nhãn hiệu (thương hiệu) tổ máy	GenParts
1.3	Chứng nhận tiêu chuẩn	ISO9001, ISO14001, ISO45001, ISO8528-5 (Class G2 trở lên)
1.4	Mã hiệu	G1100B5
1.5	Năm sản xuất	Năm 2025 trở về sau
1.6	Tình trạng	Mới 100%
1.7	Xuất xứ	Trung Quốc
1.8	Loại máy	<p>Máy phát điện chạy dầu diesel, công suất liên tục 1000 kVA, bao gồm động cơ, đầu phát, hệ thống điều khiển và vỏ chống ồn được lắp ráp và nhập khẩu đồng bộ bởi một nhà sản xuất. Máy phát điện có khả năng chấp nhận $\geq 80\%$ tải định mức trong 1 bước đóng tải.</p> <p>+ Điều kiện hoạt động: Phù hợp với khí hậu Việt Nam và có khả năng hoạt động ở trong điều kiện nhiệt độ môi trường từ 0 đến 40°C và độ ẩm môi trường $\leq 80\%$.</p> <p>Khí thải:</p> <p>+ Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT).</p> <p>+ Hệ thống thoát khí thải được thiết kế đảm bảo thông thoáng cho môi trường xung quanh.</p> <p>- Nối đất: Máy phát có đầu nối đất để đấu nối dây nối đất, đảm bảo nối đất an toàn.</p> <p>- Ghi nhãn: Ghi nhãn đầu nối đảm bảo nhận biết được tất cả các đầu nối dây quấn và đầu nối thiết bị phụ mà người sử dụng tiếp cận được.</p> <p>- Bảng thông số đặc trưng: Tất cả các máy đều có bảng thông số đặc trưng gắn bên ngoài vỏ máy; Bảng thông số làm bằng kim loại là vật liệu đủ bền, được lắp đặt chắc chắn trên vỏ máy và được bố trí dễ đọc; Bảng thông số gồm các nội dung cơ bản, bao gồm:</p> <p>+ Tên hoặc thương hiệu nhà chế tạo.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> + Số seri của nhà chế tạo, hoặc nhãn nhận biết. + Công suất ra danh định. + Điện áp danh định. + Tần số danh định. + Hệ số công suất danh định. + Kích thước, khối lượng tổng của máy phát. - Tài liệu kèm theo: + Tài liệu kỹ thuật (Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt). + Tài liệu hướng dẫn vận hành (Tiếng Việt). - Mọi thông số được công bố trên website nhà sản xuất www.genparts.com.vn
1.9	Công suất liên tục	1000 kVA/ 800kW
1.10	Công suất dự phòng	1100 kVA/ 880kW
1.11	Điện áp/ Tần số	230/400V AC/ 50Hz
1.12	Số pha, số cực từ	3 pha, 4 cực
1.13	Hệ số công suất	Cosφ = 0,8
1.14	Nhiên liệu sử dụng	Dầu Diesel thông dụng
1.15	Tốc độ vòng quay	1500 vòng/phút
1.16	Kiểu điều tốc	Điện tử
1.17	Hệ thống khởi động	Đề nổ, 24VDC, có bình Ắc quy nhập khẩu đồng bộ kèm theo máy
1.18	Hệ thống làm mát	Bằng két nước, kết hợp với quạt gió đầu trực
1.19	Các phụ kiện đi kèm tổ máy	<ol style="list-style-type: none"> 1. Máy phát được trang bị dầu nhớt, nước làm mát chống đông cạn lần đầu 2. Bộ cao su chống rung theo máy. 3. Bộ ắc quy, dây cọc đi kèm. 4. Bộ sạc ắc quy đi kèm 5. Tiêu âm, ống nhún. 6. Bộ tài liệu hướng dẫn vận hành máy
1.20	Tiêu hao nhiên liệu 100% tải ở chế độ liên tục	≤ 210 lít/giờ
1.21	Tiêu hao nhiên liệu 75% tải ở chế độ liên tục	≤ 180 lít/giờ
1.22	Tiêu hao nhiên liệu 50% tải ở chế độ liên tục	≤ 150 lít/giờ
1.23	Vỏ máy cách âm và thùng nhiên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Vỏ chống ồn: Nhập khẩu cùng thân máy, làm bằng thép đen carbon hoặc tương đương dày ≥ 2mm, sơn tĩnh điện, bên trong có lớp cách âm bằng Rockwool; có 5 cánh cửa có khóa. Vỏ chống ồn có độ bền cao, chịu nhiệt, được xử lý hoá học chống ăn mòn, dễ dàng tháo lắp. - Độ ồn cách xa 7m không gian mở ≤ 80 dbA. - Hệ thống chống rung, giảm chấn: Hệ thống chống rung bằng bát cao su, được kết nối giữa động cơ, đầu phát với hệ thống sắt xi. - Các ngõ kiểm tra nhiên liệu, tiếp nhiên liệu, nước làm mát được bố trí phù hợp để tiện theo dõi, vận hành. - Có vị trí lắp đặt ắc quy bên trong vỏ cách âm, dễ kiểm tra và đảm bảo an toàn. - Thùng nhiên liệu được hàn nối chắc chắn và cố định. Bồn nhiên liệu đáy máy chứa tối thiểu 500 lít. - Hệ thống ống pô giảm thanh đặt bên trong vỏ cách âm.

1.24	Khung bộ máy	- Khung máy được chế tạo chắc chắn, chịu lực, có độ giảm chấn, chống rung để máy vận hành êm, cân bằng, không làm ảnh hưởng đến các thiết bị, công trình xung quanh; có đế cao su giảm chấn. Khung đế máy được xử lý bề mặt bằng hoá chất để tránh oxy hóa và được sơn tĩnh điện. - Khung dập & hàn tấm bằng thép tiêu chuẩn chữ U, I hoặc V chất lượng cao. - Giữa khung bộ máy liên kết với chân động cơ và đầu phát được trang bị cao su giảm chấn để giảm rung động từ động cơ và đầu phát sang khung bộ máy trong quá trình máy hoạt động
1.25	Kích thước cả vỏ chống ồn	5200 x 2000 x 2500 mm (Dài x Rộng x Cao) (Có thể điều chỉnh theo nâng cấp thiết kế của nhà sản xuất)
1.26	Trọng lượng	7800 Kg (Có thể điều chỉnh theo nâng cấp thiết kế của nhà sản xuất)

II Phân Động cơ		
2.1	Nhãn hiệu (thương hiệu)	Baudouin
2.2	Mã hiệu	12M26G1100/5
2.3	Xuất xứ	Trung Quốc
2.4	Năm sản xuất	Mới 100%. Chưa qua sử dụng, sản xuất từ 2025 trở về sau
2.5	Kiểu động cơ	Động cơ diesel, 4 thì, làm mát bằng nước
2.6	Dung tích xilanh	31.8 lít
2.7	Đường kính Piston	150 mm
2.8	Hành trình Piston	150 mm
2.9	Tỉ số nén	15.7 : 1
2.10	Số xilanh	12
2.11	Công suất cực đại của động cơ ở 1500v/p (kWm)	973
2.12	Tốc độ vòng quay	1500 vòng/ phút
2.13	Nhiên liệu sử dụng	Diesel
2.14	Phun nhiên liệu	Phun nhiên liệu trực tiếp
2.15	Khả năng hoạt động	Khả năng chịu quá tải 110% trong vòng 1 giờ đối với mỗi chu kỳ 12 giờ .
2.16	Bộ điều tốc động cơ	Loại điện tử
2.17	Thiết bị bảo vệ động cơ	Động cơ được cung cấp cùng với các thiết bị để bảo động và tắt máy tự động. - Áp suất dầu thấp 2 cấp. - Quá tốc độ động cơ. - Nhiệt độ nước làm mát quá cao 2 cấp.
2.18	Hệ thống khởi động	- Khởi động bằng điện 1 chiều 24 VDC, kèm bộ điều tiết sạc ắc quy, bộ nạp ắc quy từ điện lưới đồng bộ . - Dung lượng ắc quy: Đảm bảo tối thiểu 3 lần khởi động liên tục được lặp lại trong khoảng thời gian 10 giây .

MOTEURS
Baudouin

MOTEURS
Baudouin

12M26
ESP/PRP/DCP/COP Diesel Engine



Bore & Stroke (mm)	150 x 150
Displacement (L)	31.8
N° of Cylinders	12
Cylinders Arrangement	At Vee
Fuel System	Mechanical
Governor (Gov.)	Electronic
Aspiration (Asp.)	Turbocharged & air-to-air cooled

III Phần Đầu phát		
3.1	Nhãn hiệu (thương hiệu)	GenParts
3.2	Mã hiệu	GP1000
3.3	Xuất xứ	Trung Quốc
3.4	Năm sản xuất	Mới 100%. Chưa qua sử dụng, sản xuất từ 2025 trở về sau
3.5	Công suất liên tục (Prime)	1000 KVA
3.6	Công suất dự phòng (Standby)	1100 KVA
3.7	Số vòng quay định mức	1500 vòng/phút
3.8	Hệ số công suất (cos φ)	0.8
3.9	Điện áp định mức	230/400V
3.10	Số pha, số cực từ	3 pha, 4 cực
3.11	Khả năng chịu quá dòng	Hệ thống kích từ cho phép đầu phát có thể chịu quá dòng đến 300% trong 10 giây
3.12	Tần số	50 Hz
3.13	Biến thiên điện áp từ không tải đến đầy tải	±0,5%
3.14	Điều chỉnh điện áp	Tự động điều chỉnh bằng bộ AVR, cho phép hoạt động ở nhiều mức tải
3.15	Cấp cách điện	Cấp H
3.16	Cấp bảo vệ đầu phát	IP23
3.17	Khả năng vượt tốc	150%
IV Hệ thống điều khiển		
4.1	Nhãn hiệu (thương hiệu)	GenParts
4.2	Mã hiệu	GenParts 4.0
4.3	Xuất xứ	Trung Quốc
4.4	Kiểu bảng điều khiển	Màn hình và các phím bấm để người vận hành dễ dàng thao tác và lựa chọn
4.5	Các chức năng cơ bản của bộ điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh chế độ Auto/ Manual - Thông báo nhiệt độ và mức nước làm mát - Thông báo mức nhiệt độ và áp suất dầu nhớt - Thông báo quá tải - Thông báo lỗi khởi động, quá tốc hoặc tốc độ thấp - Hiển thị điện áp, dòng điện, tần số - Hiển thị tốc độ động cơ - Hiển thị mức nhiên liệu (%) - Hiển thị điện áp ắc quy
4.6	Các chức năng bảo vệ an toàn cho máy	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp đầu phát - Tần số đầu phát - Quá tải hoặc ngắn mạch - Tốc độ động cơ: Cao/ thấp hơn mức cho phép - Áp suất nhớt - Nhiệt độ nước làm mát - Công suất ngược
V Tủ chuyển nguồn tự động		
5.1	Nhãn hiệu (thương hiệu)	GenParts
5.2	Mã hiệu	VAS-1600A-4P

5.3	Xuất xứ	Lắp ráp hoàn thiện tại Việt Nam
5.4	Năm sản xuất	2026
5.5	Thiết bị đóng cắt	- Hãng sản xuất: Aisikai - Model thiết bị: SKT1-1600A - Dòng định mức: 1600A - Chủng loại: 3 pha - 4 cực - Vị trí đóng cắt: ON-OFF-ON
5.6	Vỏ tủ	- Vỏ tủ ngoài trời 2 lớp cánh làm bằng thép sơn tĩnh điện, độ dày tôn thép từ 1-2mm. - Kích thước theo thiết kế.
5.7	Chế độ vận hành	Tự động hoặc bằng tay
5.8	Chức năng chính	- Tự động chuyển đổi nguồn 3 pha, 220V/380V, dòng định mức 1600A; 3 pha, 04 dây. - Tự động vận hành máy phát điện và dừng máy phát điện. - Bảo vệ phụ tải và tự động khởi động máy phát điện dự phòng cấp nguồn cho phụ tải khi điện lưới mất hoặc không đạt các tiêu chuẩn về điện áp và pha. - Khi điện lưới có trở lại và ổn định, tự động chuyển từ điện máy sang điện lưới và máy phát chạy không tải để làm mát máy một thời gian rồi tự động dừng hẳn.
VI	Các vật tư, thiết bị và hạng mục lắp đặt kèm theo	
6.1	Dây dẫn điện ưu tiên và không ưu tiên: - Đường cáp dẫn 4x50mm ² : 249m - Đường cáp dẫn 4x35mm ² : 299m - Kích thước bệ đặt máy phát: 6600x2500x200mm (Phù hợp với đế máy phát điện đơn vị cung cấp) - Kích thước bệ đặt tủ ATS: 1200x1000x200mm (Phù hợp với đế máy phát điện đơn vị cung cấp)	
6.2	Rãnh hạ cáp: - Rãnh hạ cáp dài: 229 mét - Kích thước: rộng 500mm x sâu 1000mm - Ống nhựa HDPE luồn cáp hạ áp: 229m - Aptomat 100KVA: 16 chiếc - Các phụ kiện đầy đủ để lắp đặt và hạ ngầm đường điện hoàn chỉnh	

(Thông số nhà sản xuất có thể cải tiến tốt hơn mà không kịp báo trước)